

Bản án số: 1134/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Hương

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 477/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3099/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7087/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 288/48 D, Phường 2, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lâm Long H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 861-3106 Kumamoto Ken, Kamishiki-gun, Kashima-Machi, Uejima 1914-1 ReoPareShu Ringe Japan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Bản tự khai ngày 16 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Lâm Long H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173 do Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày

03 tháng 12 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung được khoảng 02 năm thì bà xuất khẩu lao động sang Nhật Bản vào năm 2015 và ông H xuất khẩu lao động sang Nhật Bản vào năm 2019. Do bà và ông H làm việc ở hai tỉnh khác nhau của Nhật Bản nên không sống chung với nhau. Tháng 02 năm 2019, bà trở về Việt Nam, ông H ở lại Nhật Bản. Hiện nay hai bên không liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Long H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin được vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Lâm Long H được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các thủ tục tổng đạt triệu tập đương sự hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý sơ thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim N khai không còn tình cảm với ông Lâm Long H, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N có cơ sở chấp nhận. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị Kim N khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Kim N là nguyên đơn hiện đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn ông Lâm Long H cư trú tại Hoa Kỳ. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn cư trú ở nước ngoài nên căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim N.

Đối với ông Lâm Long H, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho ông Lâm Long H theo quy định pháp luật nhưng đương sự vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm Long H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lâm Long H tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173 do Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 12 năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống khoảng thời gian ngắn ngủi, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà Nguyễn Thị Kim N xác nhận không còn tình cảm với ông Lâm Long H, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về phía ông Lâm Long H đã được Tòa án ủy thác tư pháp thông báo yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N và ngày, giờ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được trả lời của ông Lâm Long H. Điều này cho thấy ông Lâm Long H không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với bà N, như vậy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim N xin ly hôn ông Lâm Long H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N khai không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim N khai không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lâm Long H.

2. Về con chung: Không có, Tòa án không giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim N chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0024244 ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Phường 2, Quận N, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên